

Số: /QĐ-UBND

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ thu gom rác thải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông Tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài Chính về Quy định về hệ thống sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ thu gom rác thải;

Xét Tờ trình số 165/TTr-BQLCI ngày 26/10/2023 của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố về việc đề nghị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Báo cáo số 145/BC-PTCKH ngày 25/4/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình với nội dung sau:

- Tên công trình: Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ thu gom rác thải
- Cấp quyết định đầu tư: UBND thành phố Quy Nhơn
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố
- Đơn vị thi công: Công ty CP ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa
- Thời gian khởi công và hoàn thành: Từ tháng 6/2023 đến tháng 07/2023.
- Địa điểm thi công: thành phố Quy Nhơn.
- Phương án thực hiện: Mua sắm mới.
- Nguồn vốn: Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh năm 2023 + Ngân sách thành phố.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Nội dung	TMDT dự án, công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được duyệt
Tổng số	2.499.083.000	2.430.671.000
1. Chi phí xây dựng		
2. Thiết bị	2.395.000.000	2.346.545.000
3. Chi phí quản lý dự án		
4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	18.532.000	18.531.000
5. Chi phí khác	68.179.000	65.595.000
6. Dự phòng chi	17.372.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	TMDT dự án, công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5 = 3-4	6=4-3
Tổng số	2.499.083.000	2.430.671.000	2.421.011.000	9.660.000	
1. Nguồn vốn đầu tư công	2.499.083.000	2.430.671.000	2.421.011.000	9.660.000	
1.1. Ngân sách nhà nước	2.499.083.000	2.430.671.000	2.421.011.000	9.660.000	
- Vốn ngân sách trung ương:		-			
- Vốn ngân sách địa phương	2.499.083.000	2.430.671.000	2.421.011.000	9.660.000	
+ Ngân sách thành phố	499.083.000	430.671.000	421.011.000	9.660.000	
+ Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh năm 2023	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	
1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					
2. Vốn khác (nếu có)					

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			2.430.671.000	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			2.430.671.000	
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: ...

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: ...

5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có)

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1 Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	2.430.671.000	
1. Nguồn vốn đầu tư công	2.430.671.000	
1.1. Ngân sách nhà nước	2.430.671.000	
- Vốn ngân sách địa phương	2.430.671.000	
+ Ngân sách thành phố	430.671.000	
+ Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh năm 2023	2.000.000.000	
1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2024 là: 9.660.000 đồng.

+ Tổng nợ phải thu:đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 9.660.000 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ phải trả các đơn vị như sau:

Nội dung công việc	Nợ phải trả (đồng)	Đơn vị thụ hưởng
- Chi phí thẩm tra QT CTHT:	9.660.000	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố

1.3 Tổng các khoản đã trả tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2024 là: 2.421.011.000 đồng, trong đó:

- Chi phí thiết bị	2.346.545.000	đồng
- Chi phí TVKS, lập báo cáo KTKT	9.886.000	đồng
- Thẩm định giá thiết bị	8.790.000	đồng
Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	6.250.000	đồng
- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	2.395.000	đồng
- Phí sử dụng đường bộ	13.590.000	đồng
- Bảo hiểm dân sự + Bảo hiểm vật chất	33.555.000	đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố	Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ thu gom rác thải	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có):

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Quản lý đô thị, Giám đốc Ban QLDV CI, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT và các PCTUBND TP;
- VP (LĐ +C₁₇);
- Lưu: VT (b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Vịnh